

LỤC MÔN ĐÀ LA NI KINH LUẬN
(Phụ thêm **Quảng Thích**)

Hán văn: Bồ Tát THẾ THÂN (Vasu-bandhu) tạo làm
Việt dịch: HUYỀN THANH

Nên biết **Đà La Ni Kinh** này dùng sáu nghĩa.

- 1_ Tuệ viên mãn
- 2_ Từ Lực thanh tịnh
- 3_ Tự Tính thanh tịnh
- 4_ Khiến cho biến chỗ gây chướng ngại của người khác
- 5_ Nhiếp tất cả **Tư Lương** (Sambhāra) của **Bồ Đề** (Bodhi)
- 6_ Chính Trí với Chân Như của Quả ấy

_ Lại có Môn khác

- 1_ Ở lúc khổ thời nhiếp lấy giới hữu tình
- 2_ Ở lúc vui thời nhiếp lấy giới hữu tình
- 3_ Đối với chính mình, chặt đứt sự chướng ngại của **Tư Lương** (Sambhāra)
- 4_ Đối với người khác, chặt đứt sự chướng ngại của Tư Lương
- 5_ Gom chứa tất cả Tư Lương
- 6_ Dùng Tư Lương đã gom tập để thỏa mãn **lợi của mình** (tự lợi) với hiền sự thỏa mãn **lợi cho người khác** (lợi tha)

_ Lại có Môn khác. Người từ Chính Biến Tri mà lui trở lại thì có sáu **Nhân** (Hetu)

- 1_ Vứt bỏ đám hữu tình ở trong khổ sinh tử, chẳng thể an nhận
- 2_ Đối với niềm vui giàu có trong đời, có Tâm dính mắc
- 3_ Như thế gom chứa các chướng ngại
- 4_ Tùy thuận theo sự nghiêng động của bạn ác
- 5_ Chẳng gom chứa Tư Lương
- 6_ Như thế đối với Pháp viên mãn của các Hữu (các cõi), có **Tâm tiếp cận** (Tập cận tâm) với Tâm **chưa dính mắc** (vị trước tâm)

Để đối trị với điều ấy cho nên tùy theo thứ tự đó mà nói sáu Môn

Thứ nhất thứ hai, liền hiển phần vị của nỗi khổ ấy, chẳng buông bỏ hữu tình, thành thực hữu tình.

Thứ năm, liền hay thành thực Phật Pháp

Thứ ba thứ tư, vì đoạn trừ chướng ngại cho nên liền hay thành tựu hai điều của nhóm ấy

Thứ sáu, hiển bày Pháp thanh tịnh thuộc quả Bất Cộng của Thanh Văn Duyên Giác, thân không có nhảy vọt qua mà thực hành nơi Hạnh lợi sinh. Đây gọi là *trụ ở tận bờ mé sinh tử*.

_ Lại có Môn khác, dùng **Tâm trong sạch** (Tịnh Tâm) mà nên mở bày

1_ Hiểu thấu sự **Vô Ngã** của Pháp, hữu tình điên đảo với nỗi khổ lưu chuyển mà chẳng nghiêng động

2_ Vào lúc giàu có thịnh vượng thời chẳng khởi nơi thấy của hữu tình là nhóm mê muội, tạp nhiễm

3_ Cùng với sức **Năng Sinh** thuộc quả thô nặng của người chẳng thanh tịnh, mà chẳng tùy thuận

4_ Như thế hay đoạn trừ Nhân tăng trưởng ấy

Gia Hạnh thanh tịnh nên biết tức đối với **Ba La Mật Đa** (Pāramitā) tương ứng căn lành mà khởi **Gia Hạnh** (Prayoga: gia công dùng thể lực mà thực hành)

Quả của Tịnh Tâm là **Trí vô thượng** (Anuttara-jñāna). **Gia Hạnh** (Prayoga) Thanh Tịnh tức là **Giải Thoát** (Vimokṣa). Trí vô thượng với nơi giải thoát, như thế chẳng phải là quả của Gia Hạnh thanh tịnh sao?!

Thế nên **Kinh** nói: “**Hết thấy các Ba La Mật Đa** (Pāramitā) mà **Ta đã nhiếp lấy tất cả căn lành rộng lớn thuộc Thế Gian** (Loka) và **Xuất Thế Gian** (Lokottara). **Nguyện các hữu tình đều sẽ mau chứng quả Vô Thượng Trí**”

Tác nói như vậy: “*Ba La Mật Đa nếu có viên mãn thì chỉ có Tâm thanh tịnh, chẳng thể sinh trưởng quả Vô Thượng Trí*”. Thế nên nói tên gọi ấy là quả của Ba La Mật. Do chủng loại đồng cho nên **Trí vô thượng** nên biết tức là quả của Tịnh Tâm vậy

Lại quả của hai điều ấy, cả hai đều đã nhiếp **Tịnh Tâm, Gia Hạnh** (Prayoga) lại trợ nhau đời làm cứu cánh, nghĩa là do hết thấy tất cả **Tư Lương** (Sambhāra), Tâm không có chỗ được, tu tập hồi hướng liền được Chính Trí với các Công Đức khác của Như Lai là **Nhân** (Hetu) ấy. Nếu chẳng như vậy thì Tâm trong sạch (Tịnh Tâm) đã tu bèn **trống rỗng** (Śūnya: không) quả ấy

Lại tức hai điều ấy cũng lại gọi là: “**Làm mà chẳng ở Lưu Chuyển, Niết Bàn**”

Lại hai Nhân ấy là nơi mà **Trí Tuệ** (Prajñā), **Đại Bi** (Mahā-kāruṇa) bình đẳng đã nhiếp, nghĩa là “**Tức là chỗ thành của Pháp ấy**” vì lấy Công Đức lớn như vậy

Hết thấy tất cả Căn lành của Bồ Tát cần phải như vậy mà hồi hướng. Chính vì thế cho nên Đây tức gọi là: “**Hết thấy căn lành hồi hướng rộng lớn**”. Như vậy sáu **Hạnh** đã tu được **sáu Công Đức** như thứ tự ấy

_ Nếu có Bồ Tát là người có đầy đủ căn lành như vậy

1_ Lưu chuyển sinh tử, chịu khổ ít ỏi, chẳng thể bị hoại

2_ Thường chỉ thọ nhận niềm vui của đời, phú quý rộng lớn không cùng tận với hay thành thực quả của vô lượng vô biên hữu tình

3_ Do không có chướng ngại, mau nhiếp căn lành, nơi điều **Thiện** (Kusāla) vui vẻ với **Hữu Thắng** (có sự vượt hơn) được hiểu biết

4_ Đối với các Bồ Tát mà chẳng thấy có sự sai lầm bỏ sót nhỏ nhiệm, khéo quán **đoạn trừ**

5_ Mau thành Tư Lương với hay chứng đắc thành **Chủng Trí Định**

6_ Tận các Thế Giới với giới hữu tình, hiện việc lợi sinh, thành tựu điều ấy

LỤC MÔN ĐÀ LA NI KINH LUẬN
MỘT QUYÊN (Hết)

LỤC MÔN ĐÀ LA NI KINH LUẬN_ QUẢNG THÍCH

Hán văn: Tôn Giả TRÍ UY tạo làm
Việt dịch: HUYỀN THANH

Kính lễ Lục Độ Thừa (Ṣaḍ-pāramita-yāna) viên mãn
Cùng với sáu nơi chốn khéo léo
Kèm hay đầy đủ sáu Thần Thông
Sau đó rộng mở nghĩa **sáu Môn**

Kinh ghi rằng: “**Tôi nghe như vậy: Một thời**”

Đây tức là **lời nói** (từ) gộp tập Kinh ấy. Vì muốn hiển bày **sự liên tiếp trợ nhau** (tương liên) của các nhóm Kinh khác mà Đức Như Lai đã nói. Nếu chẳng như vậy, chẳng liên tiếp trợ nhau tức liền coi thường, liền chẳng sinh cung kính

Lại khi **Niết Bàn** (Nirvāṇa) thời Đức Thế Tôn bảo rằng: “**Thiện Nam Tử các ông nên kết tập Pháp**” ứng đến nhóm Từ “**Tôi nghe như vậy**” kết tập tất cả. Nay muốn tùy thuận lời nói dạy bảo lúc trước cho nên khi làm kết tập thời khuyến thỉnh Bồ Tát mà có lời thỉnh là: “**Ông đã nghe như thế nào thì nên nói như vậy**”. Bồ Tát đáp rằng: “**Tôi nghe như vậy**”

Nói “**Như vậy**” là lời nói thừa đáp

Nói “**Tôi**” là **nghe** chẳng chuyển

Nói “**nghe**” là **Nhĩ Thức** (Śrotra-vijñāna: sự nhận thức của lỗ tai) trì giữ

Nói “**tất cả**” nghĩa là ở một thời khi nghe Pháp này

Nói “**Bạc Già Phạm** (Bhagavaṃ: Thế Tôn)” giống như hay giảng phục nhóm **tham**

Nói “**Ngay trên Tịnh Cư Thiên, y theo hư không mà trụ**” nghĩa là ở nơi chốn nào là nơi mà Thập Địa Tự Tại với các hàng Thiên Tử Đại Tự Tại đã trú ngụ. Ấy là cung điện trụ tại cõi hư không trên **Sắc Cứu Cảnh** (Akaniṣṭha)

Nói: “**Mọi thứ bảy báu màu nhiệm trang nghiêm**” là dùng các thứ đoan nghiêm để trang sức

Vì sao trụ xứ này vậy? Vì hiển Pháp này chẳng phải là cùng chung với **Dị Sinh** (Pṛthag-jana: xưa dịch là Phạm Phu, nay dịch là Dị Sinh) mà có

Vì sao mà thiên lệch báo với Bồ Tát? Vì biểu thị là Pháp này chẳng cùng với hàng Thanh Văn mà cùng có

Nói: “**cùng với vô ương số chúng Bồ Tát**”. Có hai Nhân Duyên. Bồ Tát vô số là Công Đức vô số với **số vô số**

Nói: “**Lợi ích an vui cho hữu tình**”. Vì muốn khiến được sinh **tăng thượng** với giải thoát

Đà La Ni (Dhāraṇī) này nghĩa là **tổng nhiếp**. **Luận** nói rằng: “Nên biết Đà La Ni Kinh này dùng sáu nghĩa cho nên nói. Thế nào là sáu? **Luận** nói: một là Tuệ viên mãn, hai là Từ Lục viên mãn, ba là Tự Tính thanh tịnh, bốn là khiến biết nơi gây chướng, năm là Nhiếp Tư Lương của Bồ Đề, sáu là Quả ấy, quả có hai loại là **Chính Trí** với **Chân Như** vậy

Nói: “**một là Tuệ viên mãn**”. Nên biết chúng đặc rớt ráo nơi Chân Như, thế nên Kinh nói: Vì Ta lưu chuyển ở trong sinh tử chịu các sự khổ đau, đối với các hữu tình, Nguyên chứng **bình đẳng**

Nói: “**tất cả hữu tình bình đẳng**” nghĩa là Tính Chân Như của tất cả hữu tình, kể kia đã chịu sự đau khổ là tướng **không có biết** (vô tri). Tác **thuyết** như vậy, nguyện đừng có không biết, hiểu rõ **chứng ngộ**

Nói: “**thứ hai là Từ Lực thanh tịnh**”. Từ (Maitra) tức là **lực** (Bala) cho nên nói Từ Lực. **Thanh tịnh** kia là Phẩm đối trị chẳng khuấy phục. Khi ấy, hết thấy các niềm vui của chính mình, nguyện đem niềm vui ấy ban cho người khác, thì mới có thể gọi là **Từ Lực thanh tịnh**. Chẳng phải chỉ nguyện vui thích, lia khổ giải thoát... Thế nên **Kinh** nói: Hết thấy phú quý, niềm vui của đời mà Ta đã có được, nguyện các hữu tình đồng thọ nhận niềm vui này”

Nói: “**thứ ba là Tự Tính thanh tịnh**” nghĩa là Tâm của mình thanh tịnh sẽ biết tận nơi nhiễm ô của nẻo ác với tận hết nơi của nghiệp. Nói “**sám hối vô thượng**”. Nên biết tức là Tâm không có chỗ dắc

Nói: “**thứ tư là khiến biết nơi người khác đã gây chướng**” nghĩa là điều người khác đã làm, nơi tạo tác gần gũi vậy. **khiến cho biết nơi gây chướng** là biết kẻ kia đối với Ta đã gây chướng ngại như vậy. Thế nên **Kinh** nói: Hết thấy các mọi nghiệp Ma của Ta, nếu trước kia chưa biết thì dùng **Vô Thượng Giác Tri**, nguyện khiến cho giác ngộ”. Nói “**Vô Thượng Giác Tri**” tức như chư Phật với chư Bồ Tát **biết như Lý** vậy. **Mọi Nghiệp Ma** nên biết tức là điều hay gây chướng ngại cho Pháp Thiện vậy.

Nói: “**thứ năm là nhiếp tất cả tư lương của Bồ Đề**” nghĩa là tất cả tư lương của Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề, tức là **nhân** (Hetu) vậy. **Nhiếp tất cả điều** kia nghĩa là tu tập. Thế nên **Kinh** nói: “Hết thấy các Ba La Mật Đa của Ta đã nhiếp tất cả căn lành rộng lớn của Thế với Xuất Thế. Nguyện các hữu tình đều sẽ mau chứng Quả Vô Thượng Tri”

Nói: “**Ba La Mật đã nhiếp tất cả**” Nghĩa là cùng với Ba La Mật trợ nhau nương tựa vậy. Hết thấy Ba La Mật hồi hướng Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề mới hay thành được.

Nói: “**sáu Quả kia**” nghĩa là quả tư lương của **Bồ Đề** (Bodhi)

Nói: “**Chính Trí với Chân Như**” là Quả ấy vậy, y theo **Đẳng Lưu Quả** (Niṣyanda-phala: quả lưu chuyên tương tự nhau) với **Ly Hệ Quả** (Visamyoga-phala: quả lia sự trói buộc) mà tuyên nói, cho nên như **Kinh**: “**Ta chứng giải thoát cũng nguyện cho hữu tình đều được giải thoát. Đừng khiến cho trụ dính sinh tử, Niết Bàn.**”

Tùy theo thứ tự nên biết trong đây Trí lia chướng nghĩa là giải thoát, nguyện mau chứng được Trí xa lia **phiền não, Sở Tri Chướng**. Có ý thú này thì chẳng trụ sinh tử với Niết Bàn. Nên biết tức là Tính của Chân Như. Người ấy ở sinh tử cùng với Niết Bàn không có khác biệt, như **Kinh** nói rằng: “**Sinh Tử Chân Như, Niết Bàn Chân Như**”. Nơi Chân Như Pháp Giới không có sai biệt, nên biết điều ấy tức là Quả của các Ba La Mật, trừ điều ấy ra lại không có Quả khác.

Luận nói rằng: “**Lại có Môn khác** (dị môn)” nghĩa là văn của Kinh thứ nhất, thứ hai. Nên biết tức ở lúc **khổ**, lúc **vui** nhiếp lấy giới hữu tình, tùy theo thứ tự nên biết. Như **Kinh**: “**Nỗi khổ mà ta đã nhận chịu, đối với các hữu tình nguyện chứng bình đẳng. Ta đã nhận được phú quý, niềm vui của Thế Gian. Nguyện các hữu tình đồng thọ nhận niềm vui này**”. Người đối với các hữu tình chẳng chứng bình đẳng thì nói là không có chỗ rốt ráo, nên biết **chẳng phải là được** (phi đắc)”

Nói “**Chứng**” nghĩa là biết rõ. Giống như Tính của **Niệm** (Smṛti) tức là Niệm ấy. Đây tức hiển nơi thọ nhận khổ kia, hết thấy không có biết nguyện đừng sinh khởi. Nghĩa là nỗi khổ mà mình đã nhận chịu cùng với hữu tình, tương ngang bằng đồng

nhất. Là do việc này mà hồi hướng. Chính vì thế cho nên biết vào lúc chịu khổ thời nhiếp lấy giới hữu tình, khi đã thọ nhận niềm vui giàu có của Thế Gian thời đòi với hết thấy sự vui thích giàu có đều thích cho các hữu tình. Đây tức gọi là “**vào lúc thọ nhận niềm vui thời nhiếp giới hữu tình**”

_Luận nói rằng: “Thứ ba: Nơi mình, tự chặt đứt chướng ngại của tư lương”. Như **Kinh**: “Ta đã gây tạo điều ác, nếu chưa hồi lỗi trước kia thì dùng **Vô Thượng Sám Hối** nguyện sám hối”. Nghĩa là tự mình gây tạo tội, từ nơi mình sinh ra hết thấy các chướng. Dùng Vô Thượng Sám Hối để đoạn trừ.

_Luận nói rằng: “Thứ tư: Nơi người khác, chặt đứt chướng ngại của tư lương”. Như **Kinh**: “Các nghiệp của hết thấy Chúng Ma của ta, dùng **Vô Thượng Giác Tri** nguyện khiến cho giác ngộ. Nghĩa là các Thiên Ma mà lia nơi Tâm Thức riêng này của mình thì từ chỗ kia đã đẩy lên chướng ngại, giả danh là **nơi người khác** (ư tha) vậy

_Luận nói rằng: “Thứ năm: tích tập tất cả Tư Lương” nghĩa là gom góp tất cả tư lương, cho nên nói “**Tất cả tư lương**” nên biết tức là tư lương của Phước với tư lương của Trí. Ấy nghĩa là nên biết Tính của **sáu Độ** (Ṣaḍ-pāramitā: lục Ba La Mật) như có **Thuyết** nói:

“**Thí** (Dāna), **Giới** (Śīla): tư lương **Phước** (Punya)

Tư lương **Trí** là **Tuệ** (Prajñā)

Ba, hai loại **niếp** khác

Năm cũng tư lương **Trí**”

Như vậy nên biết tư lương đã gom góp thấy đều hồi hướng **Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề**, thế nên **Kinh** nói là: “**Các căn lành mà hết thấy Ba La Mật đã nhiếp, đều sẽ mau chứng Quả Vô Thượng Trí**”

_Luận nói: “Thứ sáu: Tư Lương đã gom góp là mãn lợi mình (tự lợi) với hiển mãn lợi người (tha lợi). Trong đây, ban đầu cứ y theo **lợi mình** như **Kinh** nói: “*Ta chứng giải thoát cũng nguyện cho hữu tình đều được giải thoát*” nghĩa là do y theo điều ấy đã chứng giải thoát khiến lìa phiền não, các chướng **sở tri**. Làm điều ấy tức là **nhân giải thoát** của tất cả hữu tình, cho nên nói: “**Hiển mãn lợi người**” như **Kinh**: “**Đừng khiến trụ dính sinh tử, Niết Bàn**”. Nếu trụ sinh tử hoặc trụ Niết Bàn thì chẳng thể làm lợi cho việc của hữu tình. Các Pháp nhiệm ô mà nhiếp giữ cho nên nói là “**không có thân**”, tùy theo thứ tự nên biết. Nói **hiển** cùng với các Môn bên trên, mỗi mỗi cùng hợp với nhau.

_Luận nói rằng: “Lại có Môn khác từ Chính Biến Tri mà lui trở lại”. Có sáu Nhân ấy

Thích (giải thích) nói rằng: “Thế nào là sáu? Ấy là **Luận** nói: “Vứt nhóm hữu tình nơi khổ sinh tử chẳng thể an nhận”. Đây là **Nhân đầu tiên**. Vì đối trị với điều này cho nên **Kinh** nói là: “**Nỗi khổ mà ta đã nhận chịu, đối với các hữu tình Nguyện chứng bình đẳng**”. Đối với các hữu tình, Tâm bình đẳng nên biết mới có thể ở khổ sinh tử mà hay an nhận.

Nhân thứ hai. **Luận** nói: “Đối với sự giàu có, ưa thích của đời có Tâm chấp dính”. Vì đối trị với điều này thế nên **Kinh** nói là: “Ta có hết thấy sự phú quý, niềm vui ở đời. Nguyện các hữu tình đồng thọ nhận niềm vui này”

Nhân thứ ba. **Luận** nói: “Rồi gom chứa phiền não với các nghiệp chướng”. Vì đối trị với điều này thế nên **Kinh** nói là: “Điều ác mà ta đã làm, nếu trước kia chưa hối lỗi thì dùng **Vô Thượng Sám Hối** mà Nguyện sám hối. Nghĩa là **Di Thục Chướng** (Vipākāvaraṇa: *chúng sinh do nghiệp nhân phiền não của đời quá khứ nên đời hiện tại chiêu cảm Quả Báo ở các nẻo: Súc Sinh, Quỷ đói, Địa Ngục*) thì chẳng thể sám vậy”

Nhân thứ tư. **Luận** nói: “Tùy thuận nơi nghiêng động của bạn ác”.

Nói **tùy thuận** nghĩa là không có giác ngộ. Nói **bạn ác** nghĩa là các Thiên Ma. Nói **ngiên động** nghĩa là làm ác gây chướng ngại cho việc thiện.

Vì đối trị với điều này thế nên **Kinh** nói là: “Hết thấy các Nghiệp của chúng Ma của Ta, nếu trước kia chưa hiểu thì dùng **Vô Thượng Giác Tri** mà nguyện khiến cho giác ngộ”

Nhân thứ năm. **Luận** nói: “Chẳng gom góp Tư Lương” nghĩa là chẳng đầy đủ nhiều loại Tư Lương. Vì đối trị với điều này thế nên **Kinh** nói là: “Ta có **Căn** đã nhiếp lấy. Nguyện các hữu tình đều sẽ mau chứng Quả **Vô Thượng Tri**” Đây cũng là hiển tập **Trí Tư Lương** vậy

Nhân thứ sáu. **Luận** nói: “Đối với nhóm Pháp viên mãn của **các cõi** (chư hữu) có Tâm **tập quen gần gũi** (tập cận) với Tâm chưa dính mắc”.

Nói: “**điều viên mãn của các cõi**” là tướng thân, vật dụng sinh sống. Nên biết tức là nhóm tiếng mà Trời, Người đã nhiếp lấy, tức nhiếp Pháp viên mãn của Thanh Văn, Độc Giác vậy

Nói: “**tập quen gần gũi**” là đối với Pháp viên mãn có hy vọng vậy. Nên biết điều ấy tức là dùng các **Hữu Ái** với **Tự Lợi Ái** có Tâm chưa dính mắc. Vì đối trị với điều này thế nên **Kinh** nói là: “*Ta chứng giải thoát, cũng nguyện cho hữu tình đều được giải thoát, đừng khiến cho trụ dính sinh tử, Niết Bàn. Tùy theo thứ tự nên biết*”

Luận nói: “Vì đối trị với điều ấy cho nên tùy theo thứ tự đó mà nói sáu Môn” nghĩa là có sáu loại **nhân** quay lùi trở lại. Vì đối trị với điều ấy cho nên dùng **sáu Môn** chúng biết khắp”

Như vậy, sáu Môn chúng được, biết khắp điều đã nói trong đây cho nên Đà La Ni này có tên gọi là **Lục Môn**

Luận nói: “Nhóm thứ nhất, thứ hai là Môn hiển bày sự khác nhau (hiển dị môn) như **Kinh**: “*Các nỗi khổ mà ta đã chịu với sự Phú Quý, niềm vui trong đời mà ta đã có*”. Thế nên **Luận** nói: “Thứ nhất, thứ hai tức là phân vị hiển bày **khổ, vui**... chẳng buông bỏ hữu tình, thành thực hữu tình. Vì sao biết như thế? Như vậy, người kia muốn đoạn trừ nỗi khổ của tất cả hữu tình, nên nhẫn nại chịu sự đau khổ ấy, làm việc nhiều ích, đem hết thấy niềm vui của mình ưa thích ban cho tất cả các hữu tình. Chính vì thế cho nên nơi phân vị **vui thích** (lạc) chẳng buông bỏ hữu tình, hay trừ khổ đau cho họ, khiến cho họ nhận được niềm vui, đây tức gọi là **thành thực hữu tình**. Nếu chẳng như vậy thì đối với Duyên thiếu sót này với nơi mà các hữu tình chịu khổ đau áp bức... **Tâm Thiện** (Kusāla-citta) thù thắng không do đâu mà sinh ra được.

Thế nào gọi là Tướng của thành thực? Nói: **thành thực** là khiến cho căn lành của các hữu tình được tăng thêm tốt đẹp

Luận nói: “Thứ năm tức hay thành thực Phật Pháp” như **Kinh**: “**Hết thấy các Ba La Mật của Ta là nơi đã nhiếp căn lành vậy**”

Nói: “**Phật Pháp**” nghĩa là nhóm **Lực** (Bala), “**thành thực điều kia**”, nghĩa là hay chứng được tác dụng. **Chứng đắc kia** tức do **Ba La Mật Đa** (Pāramitā) đã tu thấy đều hồi hướng Bồ Đề mà chứng được.

Luận nói: Thứ ba, thứ tư đoạn trừ Chướng cho nên liền hay thành tựu từ hai Nhân ấy vậy”. Như **Kinh**: “**Điều ác mà ta đã làm với các Nghiệp thuộc hết thấy chúng Ma của Ta vậy**”

Nói: “**Đoạn trừ Chướng**” nghĩa là hay đoạn trừ tội chướng đã sinh từ **ta**, người vậy

Nói: “**Liền hay thành tựu từ hay Nhân kia vậy**” nghĩa là thành thực hữu tình với hay thành thực Pháp của chư Phật

Luận nói: Điều thứ sáu như **Kinh**: “**Ta chứng giải thoát, cũng nguyện cho hữu tình đều giải thoát vậy**”

Nói: “**Thanh Văn, Độc Giác, Quả Bất Cộng, Pháp Thân thanh tịnh**” nghĩa là **Nhất Thiết Chứng Trí** với nơi **Chân Như**, dùng tiếng giải thoát mà tuyên nói

Nói: “**Không có gì vượt qua được**”. **Kinh** nói: “**Nguyện các hữu tình đều giải thoát**”

Nói: “**Rồi hành thực hành nơi Hạnh lợi sinh, cho nên Danh đó trụ ở tận bờ mé sinh tử**”. **Kinh** nói: “**Đừng khiến trụ dính với Sinh Tử, Niết Bàn**”

Luận nói: “**Lại có Môn khác**”. Đây tức là Môn khác thứ năm. Thế nên **Luận** nói: “**Dùng 4 Tâm trong sạch (tứ tịnh tâm) mà nên mở bày**”

Thích (giải thích) là: “**Thế nào là bốn?**”

Thế nên **Luận** nói là: “**Một là: Thấu tỏ Pháp không có cái Ta. Đây là thứ nhất**” như **Kinh**: “**Ta đã nhận chịu khổ đau, đối với hữu tình nguyện chứng bình đẳng**”

Nói: “**Vì sao mà hay nêu tỏ nơi thấu hiểu Pháp không có cái Ta?**”. Thế nên **Luận** nói: “**Hữu tình điên đảo với khổ lưu chuyển mà chẳng nghiêng động**”

“**Hữu tình điên đảo chẳng nghiêng động**” nghĩa là được Tính bình đẳng của **ta**, người. Người kia nếu không có hiểu rõ **Pháp không có cái Ta**, tức chẳng như vậy.

“**Nhóm Sinh (sinh tử) lưu chuyển tất cả các khổ chẳng nghiêng động**” cũng như bên trên nói, vì lợi hữu tình mà vui thích điều ấy. Khi người kia hiểu rõ **Pháp không có cái Ta** thời mới hay đắc được.

Luận nói là: “**Hai là: Đối với lúc giàu có thịnh vượng mà chẳng dấy lên sự tạp nhiễm mê lầm thuộc cái thấy của hữu tình**”. Đây là thứ hai như **Kinh**: “**Ta đã có thọ nhận sự giàu có tôn quý, niềm vui của đời. Nguyện các hữu tình đồng thọ nhận niềm vui này**”

Nói: “**Tạp nhiễm mê lầm**” nghĩa là tiếng của nhóm phiền não tạp nhiễm, tức nhiếp nghiệp tạp nhiễm vậy.

Luận nói là: “**Ba là: Cùng với sức hay sinh của Quả thô nặng thuộc Nhân chẳng thanh tịnh mà chẳng tùy thuận**”. Đây là thứ ba như **Kinh**: “**Việc ác mà Ta đã làm, nếu trước kia chưa hối lỗi thì dùng Vô Thượng Sám Nguyện để sám hối**”

Nói: “**thô nặng**” nghĩa là từ tội sinh ra, hay dẫn đến Quả **Đẳng Lưu** với **Dị Thục**, tức đây gọi là **Xứ**. Nhân chẳng trong sạch thì **Xứ** ấy là Quả của mình

“Sức hay sinh ra” nghĩa là khả năng của sức mạnh hay dẫn đến Quả **Đẳng Lưu**,
Dị Thực ấy

“**Chẳng tùy thuận Nhân kia**” nên biết là Pháp Sám Hối

Luận nói là: “Bốn là: Rồi hay đoạn trừ Nhân tăng trưởng kia”. Đây là thứ tư, như **Kinh**: “**Các nghiệp thuộc hết thầy Chúng Ma của Ta, nếu trước kia chưa biết thì dùng Vô Thượng Giác để biết, nguyện khiến cho giác ngộ**”

Nói: “**tiếng ấy**” dẫn sự thô nặng vậy. Vẫn còn lại có thể biết

Vì thế nên biết có 4 **Tâm trong sạch** (Tịnh Tâm), chỉ riêng một loại **tâm trong sạch** thì chẳng thể chứng Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề. Chính vì thế cho nên **Luận** nói là: “Gia Hạnh Thanh Tịnh nên biết, tức ở nơi căn lành tương ứng với Ba La Mật Đa mà khởi Gia Hạnh. Như **Kinh**: “**Các căn lành mà hết thầy Ba La Mật Đa đã nhiếp lấy**”. Như vậy nói đủ **Nhân viên mãn, Quả viên mãn**

Luận nói là: “Quả của Tâm trong sạch là Trí vô thượng vậy” nghĩa là như 4 loại Tâm trong sạch đã nói bên trên thì Quả của chúng là Trí vô thượng, tức là **Nhất Thiết Chính Biến Trí** vậy, như **Kinh** nói rằng: “**Ấy sẽ mau chứng quả Vô Thượng Trí vậy**”

Luận nói là: “Gia Hạnh thanh tịnh tức là Giải Thoát” nghĩa là hiển Quả vậy

Tương ấy như thế nào? **Luận** nói là: “Ấy là **Chuyên Y**” nghĩa là chuyên phiên nã, sở tri chướng nung theo A Lại Gia Thức, như **Kinh**: “Ta chứng giải thoát, cũng nguyện cho hữu tình đều được giải thoát”

Luận nói là: “Trí vô thượng với nơi giải thoát, nhưng chẳng phải là Quả thanh tịnh của Gia Hạnh vậy” nghĩa là đang nói điều kia là Quả ấy vậy.

Thế nào là Quả của Tâm trong sạch kia? **Luận** nói là: “Thế nên **Kinh** nói: Các căn lành rộng lớn thuộc **Thế** với **Xuất Thế** mà hết thầy Ba La Mật Đa đã nhiếp lấy, nguyện các hữu tình đều sẽ mau chứng nhóm Quả Vô Thượng Trí”

Tạo Thuyết như vậy, thế nên Quả Vô Thượng Trí được nói là Quả của Tâm trong sạch, cùng với Lý trái ngược nhau. Tuy tạo Thuyết này **không có trái ngược nhau**. Chính vì thế cho nên **Luận** nói: “Nếu Ba La Mật Đa chẳng viên mãn, chỉ có Tâm trong sạch thì chẳng thể sinh trưởng Quả Vô Thượng Trí”. Vì thế cho nên nói: “Điều kia gọi là Quả của Ba La Mật Đa” nghĩa là Thuyết của các Kinh vậy

Luận nói là: “Chủng Loại đồng giống nhau, cho nên Trí vô thượng tức là Quả của Tâm trong sạch vậy”

Nói: “**Chủng Loại đồng giống nhau**” là chủng loại Nhân Quả của Tâm, Tâm Sở vậy. Nên biết việc Giải Thoát dùng được mà hợp với Lý, điều ấy như là Quả của Hạnh”

Luận nói: “Lại Quả của 2 điều kia là nơi mà cả hai cùng nhiếp lấy” nghĩa là trước kia, mỗi mỗi đều nói riêng Quả ấy, nay nói cả hai đều có đủ 2 Quả vậy. Điều này lại như thế nào? Thế nên **Luận** nói: “Tâm trong sạch, Gia Hạnh thay đổi hỗ trợ lẫn nhau, đợi làm cứu cánh” nghĩa là riêng một Tâm trong sạch hoặc chỉ có Gia Hạnh thì nơi điều kia không có Nhân của Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề.

Luận nói: “Nghĩa là do hết thầy tư lương, Tâm không có chỗ đặc mà tu tập hồi hướng liền được Chính Trí, và đối với các Công Đức khác của Như Lai là Nhân kia vậy”. Đây cũng hiển cả hai điều ấy đều có 2 Quả kia vậy

Nói: “**Tất cả tư lương**” ấy là các Độ (Ba La Mật Đa). Đây gọi là Gia Hạnh

Nói: “**Tâm không có chỗ đặc mà tu tập**” là Tâm hiền thiện không có nhiễm dính mà tu tập, nghĩa là chẳng nhiễm dính với **Ngã, Pháp** vậy.

Nói: “**Tâm trong sạch**” như Luận Thuyết nói là do Hồi Hướng vậy.

Luận nói: “Nếu chẳng như vậy thì nhóm Thí chẳng thành. Vì biết khắp Nhân cho nên như vậy hiển tất cả Quả kia của Tâm trong sạch với Gia Hạnh. Chính vì thế cho nên quyết định nên biết như vậy. Nếu chẳng như thế thì đã tu Tâm trong sạch mà Quả ấy trống rỗng (Không). Điều này Ta chẳng muốn”

Luận nói: “Lại tức hai điều kia cũng được tên gọi nhưng chẳng trụ ở **Lưu Chuyển** (Saṃsāra), **Niết Bàn** (Nirvāṇa)” nghĩa là như bên trên nói: **Trí** (Jñāna) với **Giải Thoát** (Vimuti) là hai loại Quả Pháp nhưng chẳng trụ ở Lưu Chuyển, Niết Bàn, như **Kinh**: “Đừng khiến trụ dính **sinh tử, Niết Bàn**. Vì sao biết như thế? Chính vì thế cho nên Luận nói: “Lại hai Nhân kia là nơi mà **Bát Nhã** (Prajñā), **Đại Bi** (Mahā-kāraṇa) đã bình đẳng nhiếp lấy” nghĩa là tức nơi mà Pháp kia đã thành.

Nói: “**Hai Nhân kia**” nghĩa là **Tịnh Tâm, Gia Hạnh** là nơi mà **Bát Nhã, Đại Bi** đã bình đẳng nhiếp lấy. Ấy là Tính bình đẳng của **Trí** (Jñāna) với **Bi** (Kāraṇa), tức gọi là **Trí Bi Bình Đẳng Tính**. Hai thứ nhiếp lấy kia, nghĩa là đầy đủ vậy.

Nếu không có Trí, chỉ có Bi thì nghiêng về tăng thêm, chẳng buông bỏ **Lưu Chuyển**. Như Trí Tuệ này tăng nhiều mà không có Bi, tức là **Niết Bàn**. Vì thế nên biết hai Bình Đẳng kia chẳng trụ ở hai.

Nói: “**Nghĩa là tức nơi mà Pháp kia đã thành**” ấy là nơi mà **Trí Bi Bình Đẳng Tính** đã thành, hai Quả Pháp kia chẳng trụ **Lưu Chuyển** với **Niết Bàn**

Luận nói: “Vì lấy Đại Công Đức như vậy cho nên hết thấy tất cả căn lành của Bồ Tát ứng ngay như vậy rồi **hồi hướng**” nghĩa là muốn chứng lấy các Công Đức của **chẳng trụ lưu chuyển** cùng với **Niết Bàn**

Luận nói: “Thế nên đây tức gọi là hết thấy căn lành hồi hướng rộng lớn, nghĩa là như điều đã nói: Đem hồi hướng cho nên gọi là **Đại Hồi Hướng**, nơi nghĩa thù thắng mà Gia Hạnh

Luận nói: “Sáu Môn đã tu như vậy được 6 Công Đức, nghĩa là căn lành mà 6 loại Gia Hạnh đã chứng sẽ chứng 5 Đức”, cho nên Luận nói: “Như thứ tự ấy, thứ nhất đắc được Đức thứ nhất, cho đến thứ sáu được Đức thứ sáu”

Luận nói: “Nếu có Bồ Tát đầy đủ căn lành như vậy, nghĩa là đủ căn lành hồi hướng vậy”

Luận nói: “Một là: Lưu chuyển sinh tử, chịu khổ ít ỏi, điều kia chẳng thể hoại”

Lợi của Quả đầu tiên này, như **Kinh**: “Nỗi khổ mà Ta đã thọ nhận”.

Nói: “**Điều kia chẳng thể hoại**” nghĩa là chẳng khuất phục

Luận nói: “Hai là: Rồi thường chỉ nhận niềm vui của đời, phú quý rộng lớn vô lượng với hay thành thực Giới hữu tình”

Lợi của Quả thứ hai, như **Kinh**: “Ta có hết thấy phú quý, niềm vui của đời. Trong đây thành thực Giới hữu tình”. Tức là niềm vui của đời kia mà nhiếp nhận

Luận nói: “Do không có chướng ngại, mau nhiếp căn lành nơi **Thiện Hoan Hỷ** với có **Thắng Giải**”

Lợi của Quả thứ ba, như **Kinh**: “Điều ác Ta đã làm”. Trong đây, nơi **Thiện Hoan Hỷ** là Tâm trong sạch (tịnh tâm). Nơi khéo có **thắng Giải** là Gia Hạnh

_ **Luận** nói rằng: “Bốn là: Đối với các Bồ Tát mà chẳng thấy có sự sai lầm bỏ sót nhỏ nhiệm, khéo quán đoạn trừ”

Lợi của Quả thứ tư, như **Kinh**: “**Các nghiệp thuộc hết thảy chúng Ma của Ta**”. Nói khéo đoạn trừ, nghĩa là khéo biết xong rồi tu Pháp đối trị với sự sai lầm quên mất

_ **Luận** nói rằng: “Năm là: Mau thành **Tur Lương** (Sambhāra) với hay chứng đắc thành **Chủng Trí Định**”

Lợi của Quả thứ năm, như **Kinh**: “**Các căn lành mà hết thảy Ba La Mật Đa đã nhiếp lấy của Ta**”.

Nói: “**Với hay chứng đắc thành Chủng Trí Định**” nghĩa là dùng thứ tự ấy mà chứng Chủng Trí. Nên biết tức là **Kim Cương Dự Định**. Điều kia cũng thế, từ Tur Lương viên mãn mới hay sinh trưởng, chẳng phải là từ điều khác mà được.

_ **Luận** nói rằng: “Sáu là: tận các Thế Giới với Hữu Tình Giới, hiện việc lợi sinh, thành thực quả kia”

Lợi của Quả thứ sáu, như **Kinh**: “Ta chúng nhóm giải thoát”

Nói: “**Tận các Thế Giới**” nghĩa là chẳng phân biệt Giới hữu tình

Nói: “**với Hữu Giới**” nghĩa là nơi hóa sinh

Nói: **Thành tựu điều kia**” nghĩa là muốn thành việc lợi hữu tình ấy. Chẳng trụ Lưu Chuyển với Niết Bàn

LỤC MÔN ĐÀ LA NI KINH LUẬN QUẢNG THÍCH _MỘT QUYỀN (Hết)_

(Năm **Quý Sửu**, tháng 10, Thượng Tuần ngày 8_ Ở chùa **Sa Câu Vĩnh Khang** tập dịch xong)

21/03/2016